TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:01/2024/DS-ST
Ngày 19-01-2024
V/v "T/C hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Hiền
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bạch Gương
2. Ông Nguyễn Thế Phương

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trịnh Thị Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên toà***: Bà Hoàng Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 306/2023/DS-ST ngày 11/10/2023, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2023/QĐXXST-DS ngày 25/12/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lưu Quang T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số F H, khu phố E, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

Bị đơn: Ông Hoàng Ngọc Đ, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số B, Nguyễn Văn L, khu phố Q, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Giang Thị Thu H, sinh năm 1987 ; Địa chỉ: Khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng người nguyên đơn trình bày*:**
Ông Lưu Quang T và ông Hoàng Ngọc Đ là bạn bè với nhau.

Lần thứ nhất: Vào khoảng đầu tháng 6/2022, ông Đ có gọi điện nói với ông T là ông Đ chuẩn bị mua xe ô tô 7 chỗ cũ để chạy dịch vụ, nhưng còn thiếu 50.000.000đ, nên nhờ ông T giúp đỡ, vì không có tiền nên ông T đã từ chối. Tuy nhiên ông Đ cứ liên tục gọi điện năn nỉ nhờ ông T và hứa chỉ mượn vài tháng rồi trả, vì thế ông T đã nhờ bạn bè hỏi mượn người khác giúp cho ông T. Ngày 02/6/2022, sau khi mượn được tiền từ người khác thì ông T đã chuyển khoản cho ông Đ số tiền 50.000.000đ. Mỗi tháng ông Đ có trả cho ông T 3.000.000đ

tiền lãi để ông Đ trả lãi cho người mà ông Đ đã mượn tiền cho ông T. Từ ngày 02/6/2022 đến ngày 04/5/2023, ông Đ đã trả được 33.000.000đ tiền lãi.

Lần thứ hai: Vào ngày 14-15/11/2022, ông Đ tiếp tục gọi cho ông T nói tài xế chạy thuê xe cho ông Đ gây tai nạn cho 2 người, đang nằm cấp cứu tại Bệnh viện, cần tiền để lo cho nạn nhân đang cấp cứu. Tôi cũng từ chối vì không có tiền, nhưng ông Đ năn nỉ nhờ tôi mượn dùm được bao nhiêu hay bấy nhiêu để lo cho người đang cấp cứu, xong việc ông Đ sẽ rút tiền tiết kiệm của vợ trả lại ngay cho ông T. Ông T lại chạy đi hỏi mượn dùm cho ông Đ được 20.000.000đ. Ngày 16/1/2022 ông T đã đến ngân hàng thương mại cổ phần N - chi nhánh B nộp tiền mặt vào tài khoản cho ông Đ 20.000.000đ. Từ ngày 16/11/2022 đến ngày 17/4/2023 ông Đ trả được 8.000.000đ tiền lãi

Từ ngày 23/5/2023, ông Đ đã chặn mọi liên lạc với ông T. Ông T phải gọi cho bà H vợ ông Đ nhưng bà H nói là ông Đ chở khách đến khu vực không có sóng nên không liên lạc được. Đến lần thứ 4 ông T gọi điện thoại cho bà H vợ ông Đ thì bà H vợ ông Đ mới thừa nhận là ông Đ bị nợ nần mất khả năng thanh toán.

Ông T đã đến nhà bố mẹ ruột của Đ để tìm ông Đ thì nghe bố mẹ ruột của ông Đ nói là ông Đ không có mua xe ô tô nào cả, ông Đ vẫn đi chiếc xe ô tô cũ từ trước đến nay.

Chính vì thế, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hoàng Ngọc Đ phải thanh toán số tiền nợ gốc là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) và 9.000.000 (chín triệu đồng) tiền lãi. Tổng cộng là 79.000.000 (bảy mươi chín triệu đồng) cho ông TTại phiên tòa ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Ông T đồng ý cấn trừ số tiền lãi vượt quá quy định qua phần tiền gốc. Đồng thời kể từ ngày 23/5/2023 ông T đồng ý không yêu cầu tiền lãi nữa.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Hoàng Ngọc Đ trình bày:

Ông Đ trình bày vào ngày 01/6/2022, ông Đ có vay của ông T số tiền 50.000.000đ và trả lãi mỗi tháng 3.000.000đ đầy đủ. Lần thứ hai mượn của ông T 20.000.000đ. Lần này ông Đ không nhớ chính xác ngày tháng năm mượn. Tuy nhiên ông Đ vẫn trả lãi đầy đủ, đến khoảng tháng 6/2023, do làm ăn khó khăn nên ông Đ không thanh toán lãi cho ông T nữa.

Nay, ông Đ đồng ý thanh toán cho ông T số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) và 9.000.000 (chín triệu đồng) tiền lãi. Tuy nhiên ông Đ xin trả dần cho đến khi hết nợ. Đồng thời ông Đ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Giang Thị Thu H trình bày:

Giữa ông T và ông Đ chồng bà H là bạn bè với nhau. Hai bên có sự vay mượn tiền cụ thể như thế nào bà H cũng không biết. Khi nhận được thông báo thụ lý của Tòa án thì bà H mới biết ông Đ có vay của ông T số tiền 70.000.000đ và tiền lãi 9.000.000đ.

Vì tình hình kinh tế gia đình bà đang gặp khó khăn nên bà H cũng xin ông T cho chồng bà trả dần cho đến khi hết nợ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Thời hạn xét xử đúng quy định.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật*:* Hội đồng xét xử xác định quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là đúng quy định.

Về nội dung: Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ căn cứ các Điều 26, 35, 39, Điều 147, 235, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị HĐXX xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[**1]Về tố tụng:** *Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật:* Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Hoàng Ngọc Đ phải trả cho ông Lưu Quang T số tiền gốc là 70.000.000đ và tiền lãi 9.000.000đ. Do vậy tranh chấp trên được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Giao dịch dân sự trên được thỏa thuận vào năm 2023. Đối tượng tranh chấp là hợp đồng vay tài sản. Căn cứ Điều 689 tranh chấp nêu trên giữa các bên được áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Xét nội dung tranh chấp và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1. *Về yêu cầu hoàn trả số tiền nợ gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng)*

Trong quá trình thụ lý giải quyết, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là: Sổ chi tiết tài khoản in ngày 03/7/2023 của ngân hàng thương mại cổ phần Q (V)

Đối chiếu với lời khai của ông Lưu Quang T, ông Hoàng Ngọc Đ thì những lời ông T trình bày đều trùng khớp với các tài liệu mà ông Lưu Quang T đã nộp

3.2. Về yêu cầu hoàn trả số tiền nợ gốc 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng):

Về số tiền gốc 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) này ông T không nộp được tài liệu, chứng cứ.

Tuy nhiên phía bị đơn thừa nhận có việc bị đơn vay số tiền 20.000.000đ này nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

Quá trình làm việc phía bị đơn đều thừa nhận có việc bị đơn 02 lần vay tiền của nguyên đơn. Và việc trả lãi là 6/%/tháng đúng như lời nguyên đơn trình bày. Đồng thời phía bị đơn cũng xác nhận đến thời điểm hiện nay bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 70.000.000đ tiền gốc và 9.000.000đ tiền lãi. Bị đơn đồng ý thanh toán số tiền này cho nguyên đơn, nhưng xin trả dần cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý cấn trừ số tiền lãi vượt quá quy định qua phần tiền gốc. Đồng thời kể từ ngày 23/5/2023 nguyên đơn đồng ý không yêu cầu tiền lãi nữa.

3.3. Phần tiền lãi vượt quá quy định đối với khoản vay 50.000.000đ từ ngày 02/6/2022 đến ngày 23/5/2023:

20%+12 x 50.000.000 = 833.000.000đ/ tháng x 11 tháng 21 ngày = 9.750.000đ. Đây là số tiền lãi trong quy định mà bị đơn phải đóng cho nguyên đơn. Như vậy số tiền vượt quá quy định là: 33.000.000- 9.750.000đ = 23.250.000đ

3.4. Phần tiền lãi vượt quá quy định đối với khoản vay 20.000.000đ từ ngày 15/11/2022 đến ngày 23/5/2023:

20% + 12 x 20.000.000đ = 333.333đ /tháng x 06 tháng 08 ngày = 2.088.000đ. Đây là số tiền lãi trong quy định mà bị đơn phải đóng cho nguyên đơn. Như vậy số tiền vượt quá quy định là: 8.000.000-2.088.000 = 5.912.000đ

Như vậy: Tổng số tiền lãi vượt quá quy định là: 5.912.000 + 23.250.000 =29.162.000đ.

Số tiền này sẽ được trừ qua tiền gốc: 70.000.000đ -29.162.000đ = 40.838.000đ

Như vậy số tiền gốc còn lại là 40.838.000đ (bốn mươi triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Về tiền lãi: Ông T tự nguyện rút yêu cầu về tiền lãi nên cần đình chỉ phần yêu cầu tiền lãi của ông T.

Do vậy, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Mặc dù bà Giang Thị Thu H vợ ông Đ đồng ý cùng ông Đ thanh toán số tiền này. Tại thời điểm ông Đ vay tiền, bà H không biết, mọi việc chuyển tiền ông T đều chuyển vào tài khoản của ông Đ. Xét ông T chỉ yêu cầu ông Đ thanh toán số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét về trách nhiệm của bà H vợ ông T.

[4]Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Hoàng Ngọc Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền mà ông Đ phải thanh toán cho ông T. Hoàn trả lại cho ông Lưu Quang T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 điều 26 và điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 217, 227, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 463 ,466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Quang T đối với ông Hoàng Ngọc Đ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Hoàng Ngọc Đ phải hoàn trả cho ông Lưu Quang T số tiền nợ gốc 40.838.000đ (bốn mươi triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chưa thi hành án và thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2. Về tiền lãi: Đình chỉ giải quyết yêu cầu về tiền lãi 9.000.000đ của nguyên đơn

3. Về án phí:

- Ông Hoàng Ngọc Đ phải nộp 2.041.000 (hai triệu không trăm bốn mươi mốt nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm

- Hoàn trả lại cho ông Lưu Quang T số tiền 1.750.000đ (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đông) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007463 ngày 03/10/2023 tại chi Cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án*".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR – VT;
- VKSND TX Phú Mỹ;
- Chi cục THA TX Phú Mỹ;
- Các đương sự; Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Văn Thị Hiền